

Số: 77 /TTr-UBND

Krông Nô, ngày 14 tháng 7 năm 2022

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch
vốn đầu tư năm 2022 nguồn vốn ngân sách cấp huyện**

Kính gửi: HĐND huyện Krông Nô khóa VIII, kỳ họp thứ 4.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 208/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Krông Nô về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2236/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2022.

Thực hiện các quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, Chỉ thị của Chính phủ, UBND tỉnh; HĐND huyện đã ban hành Nghị quyết số 208/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND huyện Krông Nô về thông qua kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022. Nay UBND huyện kính trình HĐND huyện Krông Nô khóa VIII kỳ họp thứ 4 điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 nguồn vốn ngân sách cấp huyện, với các nội dung như sau:

1. Trước điều chỉnh: Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022: 64.908 triệu đồng gồm.

- 1.1. Nguồn vốn tập trung tỉnh phân cấp cho huyện: 14.418 triệu đồng.
- 1.2. Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện: 50.490 triệu đồng. Trong đó:
 - 1.2.1. Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: 50.490 triệu đồng
- 1.3. Danh mục công trình đầu tư năm 2022.

2. Sau điều chỉnh: Kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022: 91.048,4 triệu đồng (có phụ biểu số 01 kèm theo) gồm:

- 1.1. Nguồn vốn tập trung tỉnh phân cấp cho huyện: 14.418 triệu đồng.
- 1.2. Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện: 76.630,4 triệu đồng. Trong đó:
 - 1.2.1. Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: 50.490 triệu đồng
 - 1.2.2. Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi thường xuyên và tỉnh hỗ trợ: 26.140,4 triệu đồng.
- 1.3. Danh mục công trình đầu tư năm 2022 (có phụ biểu số 02 kèm theo).

3. Lý do điều chỉnh:

3.1. Đối với nguồn vốn tập trung tỉnh phân cấp:

3.1.1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của các công trình với số tiền: 42,831 triệu đồng. Cụ thể như sau:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của công trình: Trường THCS Tân Thành, với số tiền: 35,809 triệu đồng và công trình: Trụ sở xã Đức Xuyên, với số tiền 7,022 triệu đồng. Lý do, hai công trình này hết nhu cầu thanh toán, tổng giá trị công trình sau quyết toán dự án hoàn thành giảm; giảm giá chỉ định thầu và đấu thầu giảm.

3.1.2. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn cho công trình với số tiền: 42,831 triệu đồng. Cụ thể như sau:

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn cho công trình: Trường THCS Năm Nung, với số tiền: 42,831 triệu đồng. Lý do là bổ sung đối với công trình mở mới trong năm 2022 chưa bố trí đủ vốn và đảm bảo công tác giải ngân cuối năm.

3.2. Đối với nguồn vốn cân đối ngân sách huyện.

3.2.1. Nguồn thu tiền sử dụng đất:

3.2.1.1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của các công trình với số tiền: 6.985,297 triệu đồng. Cụ thể như sau:

- Điều chỉnh giảm công trình: Đường B1, B2, B4, Đ10E, N3 nối dài, với số tiền: 1.118 triệu đồng; Đường giao thông N5 (nối từ N7 – N13), với số tiền: 1.066 triệu đồng; Đường vào Trụ sở Ban CHQS huyện với số tiền: 5,297 triệu đồng; Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện với số tiền: 4.796 triệu đồng. Do vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng nên không thể triển khai thực hiện đầu tư dự án được, hết nhu cầu thanh toán, giá trị quyết toán dự án hoàn thành giảm và chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện giảm là do phân bổ chi tiết cho các công trình đã có phương án bồi thường, hỗ trợ và bố trí cho công trình nhu cầu thanh toán.

3.1.1.2. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn cho các công trình với số tiền: 6.985,297 triệu đồng. Cụ thể như sau:

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn cho các công trình: Trường MN Hoa Pơ Lang, với số tiền: 327,982 triệu đồng; Trường THCS Lý Tự Trọng, với số tiền 389 triệu đồng; Kênh nội đồng cánh đồng xã Đắc Drô, với số tiền 55,666 triệu đồng; Trung tâm xã Đắc Nang, hạng mục: Giải phóng mặt bằng khuôn viên trụ sở HĐND&UBND xã Đắc Nang, với số tiền: 73,305 triệu đồng; Đường tránh thao trường và tái định canh cho hộ gia đình bị giải toả xây dựng thao trường tổng hợp của lực lượng vũ trang tỉnh, với số tiền: 1.364,344 triệu đồng; Hồ Đắc Lưu xã Tân Thành huyện Krông Nô, với số tiền: 675 triệu đồng; Đường giao thông từ xã Nam Đà đi xã Đắc Drô, với số tiền: 800 triệu đồng; Trụ sở HĐND&UBND huyện Krông Nô, hạng mục: Cải tạo trụ sở làm việc, với số tiền 2.000 triệu đồng; San lấp mặt bằng các khu vực khai thác quỹ đất (khu vực cánh đồng La Trao) với số tiền 1.300 triệu đồng. Lý do phân khai chi tiết vốn đền bù, giải phóng mặt bằng do đầu năm chưa có danh mục cụ thể và bổ sung đối với công trình mở mới trong năm 2022 chưa bố trí đủ vốn và đảm bảo công tác giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn giao.

3.2.2. Nguồn tăng thu tiết kiệm chi thường xuyên và tỉnh hỗ trợ với số tiền là 26.140,4 triệu đồng để bố trí cho các công trình mở mới với số tiền: 9.145,173 triệu đồng; Hỗ trợ cho các xã tiền bán đấu giá quyền sử dụng đất, với số tiền là 12.867,716 triệu đồng; Chuyển về quỹ đất tỉnh, với số tiền là 4.127,511 triệu đồng. Do đầu năm chưa xác định được nguồn tăng thu, tiết kiệm chi.

Với nội dung trên, kính trình HĐND huyện Krông Nô khóa VIII kỳ họp thứ 4 xem xét, thống nhất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 nguồn vốn ngân sách cấp huyện./.

Nơi nhận 

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- VP HĐND&UBND huyện;
- Phòng Tài chính – KH;
- Lưu VT (TH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Bùi Ngọc Sơn

PHỤ BIỂU 01

TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

(Kèm theo Tờ trình số: 77/TTr-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện Krông Nô)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch vốn ngân sách huyện năm 2022				Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022		Kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó			Giảm	Tăng	Tổng cộng	Trong đó			
			Vốn thanh toán nợ, CT chuyển tiếp	Vốn mở mới năm 2022	Chi đầu tư khác				Vốn thanh toán nợ, CT chuyển tiếp	Vốn mở mới năm 2022	Chi đầu tư khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	7
	TỔNG CỘNG (I+II)	64.908	4.743	27.875	32.290	7.028,128	16.173,301	91.048,400	2.510,872	39.252,301	49.285,227	
I	Từ nguồn vốn tỉnh phân cấp cho huyện	14.418	1.374	13.044		42,831	42,831	14.418,000	1.331,169	13.086,831		
II	Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện	50.490	3.369	14.831	32.290	6.985,297	16.130,470	76.630,400	1.179,703	26.165,470	49.285,227	
1	Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất:	50.490	3.369	14.831	32.290	6.985,297	6.985,297	50.490,000	1.179,703	17.020,297	32.290,000	
	Trong đó: Hỗ trợ cho các xã tiền bán đấu giá quyền sử dụng đất (70% theo NQ số 04/2018/NQ-HĐND tỉnh) và 20% chuyển về Quỹ đất tỉnh	32.290			32.290		-	32.290			32.290	
2	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi thường xuyên và tính hỗ trợ	-		-			9.145,173	26.140,400		9.145,173	16.995,227	
	Trong đó: Hỗ trợ cho các xã tiền bán đấu giá quyền sử dụng đất (70% theo NQ số 04/2018/NQ-HĐND tỉnh) và 20% chuyển về Quỹ đất tỉnh						16.995,227	16.995,227			16.995,227	

PHỤ LỤC 02
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2022 THUỘC NGUỒN VỐN
NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ PHÂN THEO NGUỒN VỐN
(Kèm theo Tờ trình số: 77/TTr-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện Krông Nô)

77/TTr-UBND 14/07/2022 09:52:29

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng mức đầu tư được phê duyệt; Quyết toán				Lũy kế vốn đã bố trí, thanh toán đến 31/12/2021			KH vốn năm 2022 trước điều chỉnh	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022		KH vốn năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú	
						Số Quyết định; Ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách	Nguồn khác		Vốn ngân sách	Nguồn khác						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	Giảm	Tăng	15		
	TỔNG CỘNG (A+B)						149.776,215	148.576,215	1.200,000	31.707,701	31.707,701	-	64.908,000	7.028,128	33.168,528	91.048,400		
A	NGUỒN VỐN TÍNH PHÂN CẤP NĂM 2022						37.039,664	37.039,664	-	13.100,361	13.100,361	-	14.418,000	42,831	42,831	14.418,000		
I	Công trình thanh toán nợ						14.665,664	14.665,664	-	13.100,361	13.100,361	-	1.374,000	42,831	-	1.331,169		
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo						3.999,664	3.999,664	-	3.691,361	3.691,361	-	255,000	35,809	-	219,191		
1.1	Trường THCS Tân Thành	Xã Tân Thành	Ban QLCD&PTQ Đ	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	2021	2952/QĐ-UBND ngày 09/11/2020	3.999,664	3.999,664		3.691,361	3.691,361		255,000	35,809		219,191		
2	Lĩnh vực thủy lợi						1.364,000	1.364,000	-	595,000	595,000	-	769,000	-	-	769,000		
2.1	Trạm bơm điện bon choih xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	Phòng NN&PTNT			2049/QĐ-UBND ngày 27/7/2020	1.364,000	1.364,000		595,000	595,000		769,000			769,000		
3	Lĩnh vực quản lý nhà nước						9.302,000	9.302,000	-	8.814,000	8.814,000	-	350,000	7,022	-	342,978		
2.1	Trụ sở xã Đức Xuyên	Xã Đức Xuyên	BQLCD&PT QĐ	Xây dựng trụ sở mới	2020-2021	2953/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	9.302,000	9.302,000		8.814,000	8.814,000		350,000	7,022		342,978		
III	Công trình mở mới						22.374,000	22.374,000	-	-	-	-	13.044,000	-	42,831	13.086,831		
I	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo						7.391,000	7.391,000	-	-	-	-	4.000,000	-	42,831	4.042,831		
1.1	Trường TH Lê Văn Tám (phân hiệu Tân Lập)	Xã Năm Nung	Ban QLCD&PTQ Đ	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	2022	5406/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	3.700,000	3.700,000		-			2.000,000			2.000,000		
1.2	Trường THCS Năm Nung	Xã Năm Nung	Ban QLCD&PTQ Đ	Nhà lớp học 6 phòng 2 tầng	2022	4878/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	3.691,000	3.691,000		-			2.000,000		42,831	2.042,831		
2	Lĩnh vực giao thông						5.000,000	5.000,000	-	-	-	-	3.000,000	-	-	3.000,000		
2.1	Đường thôn Nam Hợp đi suối Bong	Xã Nam Xuân	Phòng KT&HT	BT 2km, nền đường	2022	4720/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	5.000,000	5.000,000					3.000,000			3.000,000		
3	Lĩnh vực cấp, thoát nước						4.996,000	4.996,000	-	-	-	-	3.144,000	-	-	3.144,000		
3.1	Công trình cấp nước tập trung thôn Đắk Sơn	Xã Nam Xuân	Phòng NN&PTNT	Cấp nước 200 hộ	2022	5145/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	4.996,000	4.996,000		-			3.144,000			3.144,000		
4	Lĩnh vực An ninh - Quốc phòng						4.987,000	4.987,000	-	-	-	-	2.900,000	-	-	2.900,000		

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng mức đầu tư được phê duyệt; Quyết toán				Lũy kế vốn đã bố trí, thanh toán đến 31/12/2021			KH vốn năm 2022 trước điều chỉnh	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022		KH vốn năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú	
						Số Quyết định; Ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách	Nguồn khác		Vốn ngân sách	Nguồn khác						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14			15		
4.1	Trụ sở làm việc Công an xã Đắk Drô	Xã Đắk Drô	UBND xã Đắk Drô	Trụ sở làm việc cấp IV, 01 tầng	2022	5066/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	2.000,000	2.000,000					1.000,000			1.000,000		
4.2	Trụ sở làm việc Công an xã Năm Nung	Xã Năm Nung	UBND xã Năm Nung	Trụ sở làm việc cấp IV, 01 tầng	2022	4703/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	2.000,000	2.000,000					1.000,000			1.000,000		
4.3	Xây mới nhà làm việc xã đội xã Năm Nung	xã Năm Nung	UBND xã Năm Nung	Nhà làm việc cấp IV	2022	5067/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	987,000	987,000					900,000			900,000		
B	NGUỒN CÁN ĐOẠI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN							112.736,551	111.536,551	1.200,000	18.607,340	18.607,340	-	50.490,000	6.985,297	33.125,697	76.630,400	
B.1	NGUỒN VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT							79.000,430	79.000,430	-	18.607,340	18.607,340	-	50.490,000	6.985,297	6.985,297	50.490,000	
I	Công trình thanh toán nợ							23.283,430	23.283,430	-	18.607,340	18.607,340	-	3.369,000	2.189,297	-	1.179,703	
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo							4.500,000	4.500,000	-	4.259,604	4.259,604	-	191,000	-	-	191,000	
1.1	Trường THCS Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Phòng GD&ĐT	Nhà lớp học 8 phòng 2 tầng	2021	3301/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	4.500,000	4.500,000		4.259,604	4.259,604		191,000			191,000		
2	Lĩnh vực giao thông							16.872,276	16.872,276	-	13.347,736	13.347,736	-	2.267,000	2.189,297	-	77,703	
2.1	Đường B1, B2, B4, Đ10E, N3 nối dài	TT Đắk Mâm	Ban QLCD&PTQ Đ	1.200m nhựa	2019-2020	3016, ngày 31/10/2018	6.850,000	6.850,000		5.547,487	5.547,487		1.118,000	1.118,000		-		
2.2	Đường vào Trụ sở Ban CHQS huyện	TT Đắk Mâm	BQLCDA&PT QĐ	Đền bù GPMB; Nền, mặt đường láng nhựa và HTTN, chiều dài 207m	2020	QĐ điều chỉnh 2690/QĐ-UBND ngày 12/10/2020	4.633,276	4.633,276		4.353,662	4.353,662		83,000	5,297		77,703		
2.3	Đường Giao thông N5 (nối từ N7-N13)	TT Đắk Mâm	BQLCDA&PT QĐ	Nền, móng, mặt đường và HTTN	2018-2020	2470/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	5.389,000	5.389,000		3.446,587	3.446,587		1.066,000	1.066,000		-		
3	Lĩnh vực quy hoạch							1.911,154	1.911,154	-	1.000,000	1.000,000	-	911,000	-	-	911,000	
3.1	Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Krông Nô	Toàn huyện	Phòng TNMT	Quy hoạch SD đất cấp huyện	2021-2022	3173/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	1.911,154	1.911,154		1.000,000	1.000,000		911,000			911,000		
II	Công trình mở mới							23.427,000	23.427,000	-	-	-	-	14.831,000	4.796,000	6.985,297	17.020,297	
I	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo							5.984,000	5.984,000	-	-	-	-	5.135,000	-	716,982	5.851,982	

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng mức đầu tư được phê duyệt; Quyết toán				Lũy kế vốn đã bố trí, thanh toán đến 31/12/2021			KH vốn năm 2022 trước điều chỉnh	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022		KH vốn năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú	
						Số Quyết định; Ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách	Nguồn khác		Vốn ngân sách	Nguồn khác						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14			15		
1.1	Trường MN Hoa Pơ Lang	Xã Năm Nung	Phòng GD&ĐT	Nhà hiệu bộ	2022	5069/QĐ- UBND ngày 10/12/2021	2.484,000	2.484,000					2.135,000		327,982	2.462,982		
1.2	Trường THCS Lý Tự Trọng	Xã Nam Xuân	Ban QLCDA&PTQ Đ	Nhà tập đa năng	2022	5152/QĐ- UBND ngày 20/12/2021	3.500,000	3.500,000					3.000,000		389,000	3.389,000		
2	Lĩnh vực thủy lợi							3.404,000	3.404,000	-	-	-	-	3.000,000	-	55,666	3.055,666	
2.1	Kênh nội đồng cánh đồng xã Đắk Drô	Xã Đắk Drô	Phòng NN&PTNT	1.205,74m kênh	2022	5068/QĐ- UBND ngày 10/12/2021	3.404,000	3.404,000					3.000,000		55,666	3.055,666		
3	Lĩnh vực Quản lý Nhà nước							10.539,000	10.539,000	-	-	-	-	4.796,000	4.796,000	4.912,649	4.912,649	
3.1	Chi đền bù, giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện	Toàn huyện		Đền bù GPMB	2022-2025		10.539,000	10.539,000					4.796,000	4.796,000			-	
3.2	Trung tâm xã Đắk Nang; hạng mục: Giải phóng mặt bằng khuôn viên trụ sở HĐND&UBND xã Đắk Nang	xã Đắk Nang	Ban QLDA&PTQĐ	Giải phóng mặt bằng khuôn viên trụ sở HĐND & UBND xã Đắk Nang	2021	5273/QĐ- UBND ngày 29/12/2021	2.512,346	2.512,346		2.430,005	2.430,005				73,305	73,305	Phân khai từ nguồn đền bù giải phóng mặt bằng	
3.3	Dương trần thao trường và tại định canh cho hộ gia đình bị giải toả xây dựng thao trường tổng hợp của lực lượng vũ trang tỉnh	Xã Đức Xuyên	Ban QLDA&PTQĐ		2019-2021	83/QĐ-BQL ngày 18/5/2022	21.000,000	21.000,000							1.364,344	1.364,344	Phân khai từ nguồn đền bù giải phóng mặt bằng; đối ứng công trình vốn tỉnh	
3.4	Hồ Đắk Lưu xã Tân Thành huyện Krông Nô	Xã Tân Thành	Ban QLCDA&PTQ Đ		2021	169/QĐ- BQL ngày 23/12/2021	9.437,551	9.437,551		8.000,000	8.000,000				675,000	675,000	Đối ứng vốn tỉnh (từ nguồn điều chỉnh giám công trình và nguồn vốn chi đền bù, giải phóng mặt bằng)	
3.5	Đường giao thông từ xã Nam Đà đi xã Đắk Drô	Xã Nam Đà, Đắk Drô	Ban QLCDA&PTQ Đ		2021-2023	1746/QĐ- UBND ngày 23/11/2020	20.000,000	20.000,000		4.000,000	4.000,000				800,000	800,000	Phân khai từ nguồn đền bù giải phóng mặt bằng	
3.6	Trụ sở HĐND&UBND huyện Krông Nô, hạng mục: Cải tạo trụ sở làm việc	TT Đắk Mâm	Văn phòng HĐND&UBND	Cải tạo nhà làm việc và nhà bảo vệ	2022		2.500,000	2.500,000							2.000,000	2.000,000	Bổ sung tăng từ nguồn đền bù giả phóng mặt bằng (1.827,685 trđ và 172,315trđ từ các công trình điều chỉnh giám)	
4.	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật khác							3.500,000	3.500,000	-	-	-	-	1.900,000	-	1.300,000	3.200,000	

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng mức đầu tư được phê duyệt; Quyết toán				Lũy kế vốn đã bố trí, thanh toán đến 31/12/2021			KH vốn năm 2022 trước điều chỉnh	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022		KH vốn năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú	
						Số Quyết định; Ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách	Nguồn khác		Vốn ngân sách	Nguồn khác						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	Giảm	Tăng	15		
4.1	San lấp mặt bằng các khu vực khai thác quỹ đất (khu vực cánh đồng La Trao)	Thị trấn Đăk Mâm	Ban QLCDA&PTQ Đ	San lấp mặt bằng khoảng 27.146m2 và xây dựng hệ thống thoát nước bằng bê tông cốt	2022-2023		3.500,000	3.500,000					1.900,000		1.300,000	3.200,000		
III	Chi đầu tư khác						32.290,000	32.290,000	-	-	-	-	32.290,000	-	-	32.290,000		
1	Hỗ trợ cho các xã tiền bán đấu giá quyền sử dụng đất (70% theo NQ số 04/2018/NQ-HĐND tỉnh)				2021		21.070,000	21.070,000					21.070,000			21.070,000		
2	Chuyển về quỹ đất tỉnh (20% theo NQ số 04/2018/NQ-HĐND tỉnh)				2021		11.220,000	11.220,000					11.220,000			11.220,000		
B2	NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI THƯỜNG XUYÊN VÀ TÌNH HỖ TRỢ						33.736,121	32.536,121	1.200,000	-	-	-	-	-	26.140,400	26.140,400		
I	Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên						9.000,000	7.800,000	1.200,000	-	-	-	-	-	5.026,511	5.026,511		
1	Công trình mở mới						9.000,000	7.800,000	1.200,000	-	-	-	-	-	5.026,511	5.026,511		
1.1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo						9.000,000	7.800,000	1.200,000	-	-	-	-	-	5.026,511	5.026,511		
1.1.1	Trường Mầm non Vàng Anh xã Nam Xuân	Xã Nam Xuân	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Nâng cấp, mở rộng 6 phòng 2 tầng	2022-2023	1531/QĐ-UBND ngày 26/5/2022	5.000,000	5.000,000							2.986,511	2.986,511		
1.1.2	Trường THCS Năm Nung	Xã Năm Nung	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Nâng cấp, mở rộng tường rào nhà vệ sinh	2022	1379/QĐ-UBND ngày 29/4/2022	1.000,000	1.000,000							670,000	670,000		
1.1.3	Trường TH Hoàng Diệu	Xã Nam Đà	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Nâng cấp, mở rộng sân trường	2022	250/NQ-HĐND ngày 21/12/2022	1.000,000	1.000,000							970,000	970,000		
1.1.4	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	Xã Quảng Phú	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Bể bơi và nhà vòm bảo vệ	2022		1.000,000	400,000	600,000						200,000	200,000		
1.1.5	Trường TH Kim Đồng	Xã Năm N'Đir	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Bể bơi và nhà vòm bảo vệ	2022		1.000,000	400,000	600,000						200,000	200,000		
II	Nguồn tăng thu 2021 chuyển sang năm 2022 (nguồn thu tiền sử dụng đất)						24.736,121	24.736,121	-	-	-	-	-	-	21.113,889	21.113,889		
1	Công trình mở mới						7.740,894	7.740,894	-	-	-	-	-	-	4.118,662	4.118,662		
1.1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo						6.500,000	6.500,000	-	-	-	-	-	-	2.877,768	2.877,768		
1.1	Trường THCS Năm N'Đir	Xã Năm N'Đir	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Nâng cấp, mở rộng 8 phòng 2 tầng	2022-2023		5.000,000	5.000,000							1.877,768	1.877,768		

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng mức đầu tư được phê duyệt; Quyết toán				Lũy kế vốn đã bố trí, thanh toán đến 31/12/2021			KH vốn năm 2022 trước điều chỉnh	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022		KH vốn năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú			
						Số Quyết định; Ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Giảm	Tăng	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách	Nguồn khác		Vốn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14				15			
1.2	Trung tâm Chính trị huyện	TT Đắc Mâm	Ban QLCDA&PTQ Đ	Kè chống sạt lở và nâng cấp sân bê tông	2022-2023		1.500,000	1.500,000							1.000,000	1.000,000				
1.2	Lĩnh vực Quản lý Nhà nước						1.240,894	1.240,894	-	-	-	-	-	-	1.240,894	1.240,894				
1.2.1	Chi đền bù, giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện	Toàn huyện		Đền bù GPMB	2022-2025		1.240,894	1.240,894							1.240,894	1.240,894	Hỗ trợ Nam Xuân để đền bù khu chợ			
2	Chi đầu tư khác						16.995,227	16.995,227	-	-	-	-	-	-	16.995,227	16.995,227				
1	Hỗ trợ cho các xã tiền bán đấu giá quyền sử dụng đất (70% theo NQ số 04/2018/NQ- HDND tỉnh)				2021		12.867,716	12.867,716							12.867,716	12.867,716	Nguồn thu sử dụng đất năm 2021			
2	Chuyển về quỹ đất tỉnh (20% theo NQ số 04/2018/NQ- HDND tỉnh)				2021		4.127,511	4.127,511							4.127,511	4.127,511	Nguồn thu sử dụng đất năm 2021			

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN KRÔNG NÔ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-HĐND

Krông Nô, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ
KHÓA VIII KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 2236/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 208/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Krông Nô về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND, ngày /7/2022 của HĐND huyện Krông Nô về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nguồn vốn ngân sách cấp huyện;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND, ngày /7/2022 của UBND huyện Krông Nô về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2021; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND, ngày / /2022 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến của Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022, (chi tiết theo các phụ biểu đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao cho Ủy ban Nhân dân huyện triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Xây dựng và các văn bản quy định hiện hành. Đồng thời căn cứ vào khả năng nguồn thu tiền sử dụng đất, giao UBND huyện điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

2. Giao cho Thường trực Hội đồng Nhân dân, các Ban Hội đồng Nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng Nhân dân huyện có nhiệm vụ giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng Nhân dân huyện thông qua.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Krông Nô khoá VIII kỳ họp thứ 4 thông qua ngày tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp, Tài chính, KH&ĐT;
- TT Huyện uỷ, TT HĐND huyện;
- CT, PCT, UV TT HĐND huyện;
- Ban Kinh tế, Pháp chế HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBND, UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- VP. HĐND& UBND huyện;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu VT, TCKH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Quốc